

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền
tiếp nhận và giải quyết của Sở Xây dựng**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 101/QĐ-BKHCN ngày 21 tháng 01 năm 2019 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc công bố mô hình khung Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 cho các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước tại địa phương;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền tiếp nhận và giải quyết của Sở Xây dựng (kèm Danh mục).

Điều 2.

1. Giao Giám đốc Sở Xây dựng rà soát, điều chỉnh các quy trình nội bộ đã phê duyệt đảm bảo phù hợp với Quyết định này.

2. Giao Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ xây dựng quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính tại phần mềm của Hệ thống thông tin một cửa điện tử, Công dịch vụ công thành phố để áp dụng.



Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Xây dựng, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./. *lwl*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục KSTTHC, VPCP;
- CT, PCT UBND TP;
- VP UBND TP (2,3);
- Công TTĐT thành phố;
- Lưu: VT.QN. *ln*



**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Dương Tấn Hiển





DANH MỤC QUY TRÌNH NỘI BỘ
THUỘC THẨM QUYỀN TIẾP NHẬN VÀ GIẢI QUYẾT CỦA SỞ XÂY DỰNG
(Kèm theo Quyết định số: 1568 /QĐ-UBND ngày 23 tháng 6 năm 2025
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ)

STT	Tên quy trình nội bộ
I	Lĩnh vực đăng kiểm
1	Cấp Giấy chứng nhận kiểm định, Tem kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cho xe cơ giới (trừ xe mô tô, xe gắn máy), xe máy chuyên dùng trong trường hợp miễn kiểm định lần đầu
2	Cấp lại Giấy chứng nhận kiểm định, Tem kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cho xe cơ giới (trừ xe mô tô, xe gắn máy), xe máy chuyên dùng
3	Cấp lại giấy chứng nhận cải tạo
4	Kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy
5	Cấp Giấy chứng nhận kiểm định, Tem kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cho xe máy chuyên dùng
6	Cấp mới Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy
7	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy
8	Cấp Giấy chứng nhận kiểm định, Tem kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cho xe cơ giới (trừ xe mô tô, xe gắn máy)
9	Cấp mới Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới
10	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới
11	Chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới cải tạo, xe máy chuyên dùng cải tạo
12	Cấp Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cho phương tiện thủy nội địa
13	Cấp giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cho phương tiện nhập khẩu
14	Cấp giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp sử dụng cho phương tiện thủy nội địa
II	Lĩnh vực đường bộ
1	Cấp Giấy phép lưu hành xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe bánh xích, xe vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng trên đường bộ
2	Chấp thuận thiết kế nút giao đầu nối vào đường quốc lộ đang khai thác
3	Cấp phép thi công nút giao đầu nối vào đường quốc lộ đang khai thác
4	Công bố đưa bến xe khách vào khai thác

5	Công bố lại bến xe khách
6	Cấp giấy phép thi công công trình trên đường bộ đang khai thác
7	Thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng luồng đường thủy nội địa
8	Thỏa thuận thiết lập báo hiệu đường thủy nội địa đối với công trình xây dựng, hoạt động trên đường thủy nội địa
9	Công bố mở luồng chuyên dùng nối với luồng quốc gia, luồng chuyên dùng nối với luồng địa phương
10	Công bố đóng luồng đường thủy nội địa khi không có nhu cầu khai thác, sử dụng
11	Thông báo luồng đường thủy nội địa chuyên dùng
12	Thỏa thuận về nội dung liên quan đến đường thủy nội địa đối với công trình không thuộc kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa và các hoạt động trên đường thủy nội địa
13	Công bố hạn chế giao thông đường thủy nội địa
14	Chấp thuận phương án bảo đảm an toàn giao thông
15	Cấp giấy phép vào cảng, bến thủy nội địa đối với phương tiện, thủy phi cơ
16	Cấp giấy phép rời cảng, bến thủy nội địa đối với phương tiện, thủy phi cơ
17	Đổi tên cảng, bến thủy nội địa, khu neo đậu
18	Thỏa thuận nâng cấp bến thủy nội địa thành cảng thủy nội địa
19	Công bố chuyển bến thủy nội địa thành cảng thủy nội địa trong trường hợp bến thủy nội địa có quy mô, thông số kỹ thuật phù hợp với cấp kỹ thuật cảng thủy nội địa
20	Công bố đóng cảng, bến thủy nội địa
21	Thiết lập khu neo đậu
22	Công bố hoạt động khu neo đậu
23	Công bố đóng khu neo đậu
24	Công bố hoạt động cảng thủy nội địa trường hợp không có nhu cầu tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài
25	Xác nhận việc trình báo đường thủy nội địa hoặc trình báo đường thủy nội địa bổ sung
26	Gia hạn hoạt động cảng, bến thủy nội địa
27	Công bố hoạt động cảng thủy nội địa
28	Công bố lại hoạt động cảng thủy nội địa

29	Phê duyệt phương án vận tải hàng hóa siêu trường hoặc hàng hóa siêu trọng trên đường thủy nội địa
30	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ Điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa
31	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ Điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa
32	Cấp Giấy phép vận tải qua biên giới
33	Cấp lại Giấy phép vận tải qua biên giới
34	Gia hạn thời gian lưu lại lãnh thổ Việt Nam cho phương tiện vận tải thủy của Campuchia
35	Thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng cảng thủy nội địa
36	Chấp thuận hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước tại vùng nước trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải
III	Lĩnh vực hàng hải
1	Chấp thuận đề xuất thực hiện nạo vét đường thủy nội địa địa phương
2	Công bố khu vực, địa điểm tiếp nhận chất nạo vét trên bờ
3	Chấp thuận khu vực, địa điểm tiếp nhận chất nạo vét trên bờ, nhận chìm ở biển
4	Phê duyệt phương án trục vớt tài sản chìm đắm
5	Đăng ký vận tải hành khách cố định trên tuyến vận tải thủy từ bờ ra đảo